TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 401/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Văn Tươi
2. Bà Võ Thị Lan

*Thư ký phiên toà***:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19/6/2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 12/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Vi N - Sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ: Số 22 đường HN, Tổ 13C, phường HA, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn M - Sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khối CH, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2018 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Vi N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Vi N và ông Phạm Văn M tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ ngày 17/01/2016 nhưng đến ngày 26/10/2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐN, thị xã Điện Bàn, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, chơi bời thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, say xỉn về nhà gây gỗ với vợ, vợ chồng xảy ra cãi vả nhau và

bà N bồng con về nhà cha, mẹ sống riêng từ tháng 7/2017 đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân hơn 1 năm nay nên bà N yêu cầu ly hôn ông M.

Về con chung: Có 1 con Phạm Minh Đ – Sinh ngày 13/5/2016

Con chung sống cùng bà N từ nhỏ đến nay, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Phạm Văn M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, giao nhận bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, ông M từ chối làm việc với Tòa án và không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có lời khai của ông M trong hồ sơ vụ án

Tóm tắc ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết và xét xử vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà Na được ly hôn ông M, giao con Phạm Minh Đ cho bà Na tiếp tục nuôi dưỡng, bà Na không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông M được quyền thăm con nom chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị Vi N yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông Phạm Văn M, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông M hiện nay cư trú tại phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Vi N và ông Phạm Văn M kết hôn vào ngày 26/10/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Ngọc, thị xã Điện

Bàn, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà N khai là do ông M không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên tụ tập bàn bè rượu chè say xỉn rồi về nhà gây gỗ với bà N, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vả nhau mâu thuẫn phát sinh, bà N đã bỏ về nhà cha, mẹ sống riêng từ tháng 7/2017 đến nay. Lời khai của bà N phù hợp với nội dung xác minh do Tòa án thu thập được. Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án ông M vắng mặt không có lời khai của ông M trong hồ sơ vụ án nên không xác định được ý kiến của ông M như thế nào đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Do ông M vắng mặt nhiều lần nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải để động viên vợ, chồng về đoàn tụ chung sống. Trong trường hợp này xét thấy vợ chồng bà N không còn tình cảm, tin tưởng và tôn trọng nhau, thực tế vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 7/2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân ông M không thuyết phục, động viên bà N về đoàn tụ chung sống, vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận xử cho bà N được ly hôn với ông M phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Minh Đ –Sinh ngày 13/5/2016. Bà N có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà N thấy rằng: Bà N hiện nay có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con, trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Đ đã sống cùng bà N được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt, cháu Đ còn nhỏ và là bé gái nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Đối với ông M trong quá trình giải quyết vụ án, ông M không đến Tòa để trình bày ý kiến và nêu yêu cầu của mình, điều đó chứng tỏ ông M không có yêu cầu đối với vấn đề nuôi con chung. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, đồng thời giữ nguyên môi trường sống của con, HĐXX cần phải giao cháu Đ cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về khoảng cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu nên không xét. Ông M được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có, tuy nhiên không có lời khai của ông M nên chưa xác định được vợ, chồng bà N có tài sản chung và nợ chung hay không. Do đó HĐXX tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Căn cứ Luật phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và khoản 4 Điều 147 BLTTDS thì bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Vi N đối với ông Phạm Văn M về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị Vi N và ông Phạm Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung

Giao con Phạm Minh Đ – Sinh ngày 13/5/2016 cho bà Ngô Thị Vi N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành *(Phạm Minh Đ hiện nay đang sống cùng bà Ngô Thị Vi N).*

Sau khi ly hôn, ông Phạm Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Bà Ngô Thị Vi N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009117, ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Ngô Thị Vi N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKS, THA;
- Công an TX Điện Bàn;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND phường ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nhung